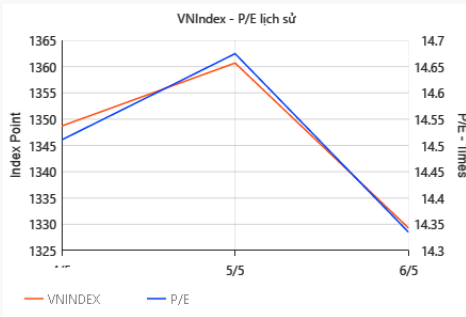


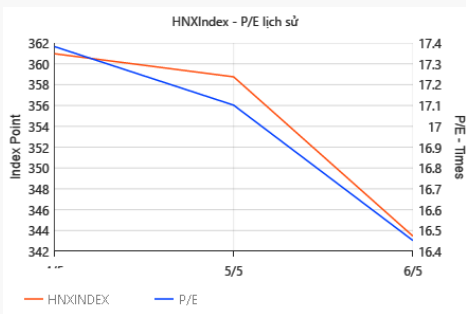


VN-INDEX



Điểm số	1,329.26
Tuần qua (WoW)	-2.75%
Từ đầu năm (YTD)	-11.28%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-11.97%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-12.92%
P/E	14.33
P/B	2.27

HNX -INDEX



Điểm số	343.46
Tuần qua (WoW)	-6.11%
Từ đầu năm (YTD)	-27.54%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-22.79%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-21.53%
P/E	16.45
P/B	1.92

LỰC CẦU YẾU

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

2 tuần nghỉ lễ càng đẩy cao sự thận trọng của dòng tiền trên thị trường và lực mua yếu đã khiến cho thị trường nhìn chung tiếp tục trên con đường giảm điểm của mình dù cho lực bán từ giải chấp và thoát vị thế cũng đã giảm bớt đi rất nhiều.

Kết quả tích cực trong quý I đang giúp đẩy định giá của thị trường về vùng hấp dẫn và khối ngoại đang là nhóm được thúc đẩy hành động dựa trên căn cứ này sau chuỗi bán ròng tại vùng đỉnh.

Do vậy, đà suy giảm hiện tại đến từ việc thiếu vắng các thông tin vĩ mô hỗ trợ khi thị trường đã không còn hấp thụ tin tức tích cực từ hoạt động sản xuất kinh doanh do tâm lý chung đang dần chuyển sang tiêu cực với lo ngại về khả năng thắt dòng tiền tới kênh chứng khoán sau những động thái làm trong sạch thị trường.

Với nhịp điều chỉnh sâu như hiện tại, sẽ cần thời gian để dòng tiền ổn định trở lại. Trong ngắn hạn, chỉ khi có sự xác nhận bởi sự đồng thuận của dòng tiền, vùng đáy mới được hình thành, các vùng hỗ trợ tiềm năng đều có rủi ro bị phá qua. Tuy vậy, trong xu hướng hồi phục kinh tế trung hạn để về đà tăng trưởng dài hạn, nhịp điều chỉnh sâu của nhiều cổ phiếu hiện tại đang mở ra vùng giải ngân tiềm năng.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Dòng tiền trên thị trường suy yếu và quá trình tạo đáy sẽ còn chưa kết thúc với những nhịp lên xuống ngắn thay phiên nhau. Việc giao dịch ngắn hạn do đó sẽ rất dễ tạo nên các vị thế lỗ khi cổ phiếu về tài khoản. Hạn chế tối đa mua đuổi trong giai đoạn này, và nếu giải ngân nên có chiến lược cụ thể, chia nhỏ theo đợt và tốt hơn hết là có mục tiêu trung dài hạn, nếu không thì sẽ tốt hơn nếu đứng ngoài và quan sát thêm.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	48.6%		-17.0%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	55.4%		-20.8%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		19.9%	201.3%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.2%		-18.7%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	1.8%		30.8%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		107.8%	436.8%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	24.8%		7.1%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	12.9%		18.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		27.8%	46.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		93.9%	117.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		6.5%	72.2%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		38.4%	142.9%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.4%		121.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		26.3%	60.5%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		31.5%	69.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		26.8%	108.8%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	21.6%		0.0%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	18.2%		22.8%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-31.8%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	22.1%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	40.6%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	7.1%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	15.6%
VND*	09/06/21	15,100 - 16,100	21,500	14,000	1:2.5	67.7%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	90.1%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-9.2%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-3.6%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	7.1%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-18.5%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	33.5%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-16.8%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	47.1%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	60.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	21.4%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	52.0%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-21.2%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	4.1%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	20.7%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	33.0%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-10.1%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	109.3%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	31.5%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	90.5%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	2.7%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	3.5%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	79.2%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	16.7%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	157.4%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	113.4%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	140.5%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	186.0%

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)

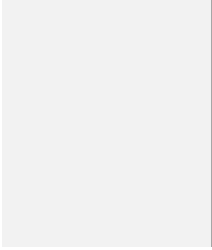


(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 2.7%, biên độ dao động trong cả tuần ở mức trung bình, mở cửa tuần sát tham chiếu và gần như là mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và xấp xỉ mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường trở lại sau kì nghỉ lễ và cả tuần chỉ có 3 ngày giao dịch. Diễn biến nhìn chung là giảm với mở cửa tuần giảm, tăng nhẹ lên và sau đó giảm trở lại vào ngày thứ sáu cuối tuần. Dù khối lượng giao dịch cả tuần thấp là do thiếu đi hai ngày giao dịch nhưng kể cả trong 3 ngày mà thị trường mở cửa thì khối lượng và giá trị giao dịch của thị trường cũng đều ở mức rất thấp. Tình trạng thiếu hụt thanh khoản đó khiến cho VNINDEX không thể tăng tiếp khi không có đủ lực cầu đẩy lên ở các mức giá cao, và do đó thì việc tiếp tục vòng xuống để tìm cách kích thích lực mua là tất yếu.



Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,260 - 1,270
Kháng cự	1,600 - 1,610

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

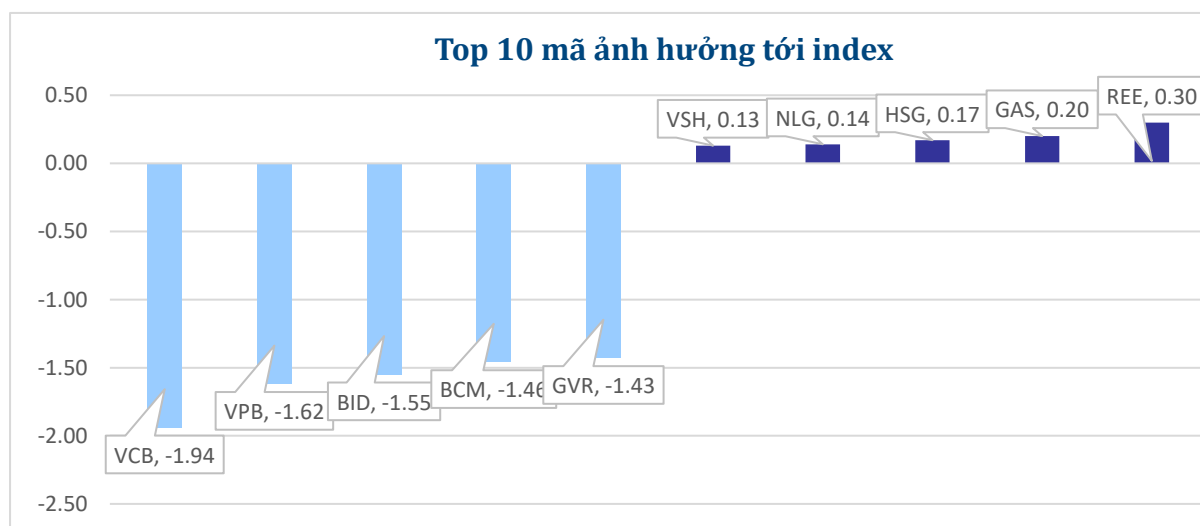
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,329.26	-2.31%	-31.42	564.07	17,001.1	59	29	394
Vn30 - Index	1,373.21	-2.25%	-31.67	154.33	6,540.7	1	1	28
Vn - Mid	1,806.44	-3.04%	-56.73	228.64	7,235.9	9	2	59
VN - Small	1,768.18	-3.35%	-61.37	105.52	2,303.2	32	12	174
HNX - Index	343.46	-4.26%	-15.29	61.70	1,436.9	36	33	275
Upcom - Index	101.88	-1.87%	-1.94	58.27	657.6	126	57	287

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	17,001.10	10.68%	564.07	6.21%
HNX	1,436.90	-16.57%	61.70	-15.12%

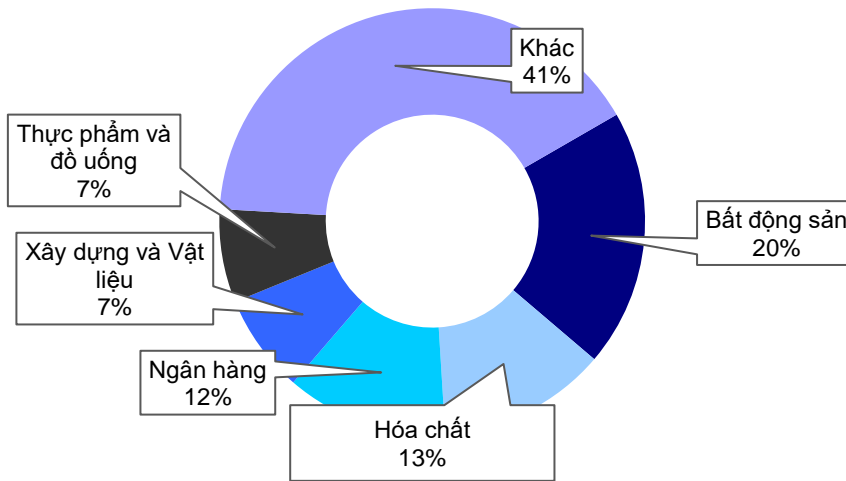
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



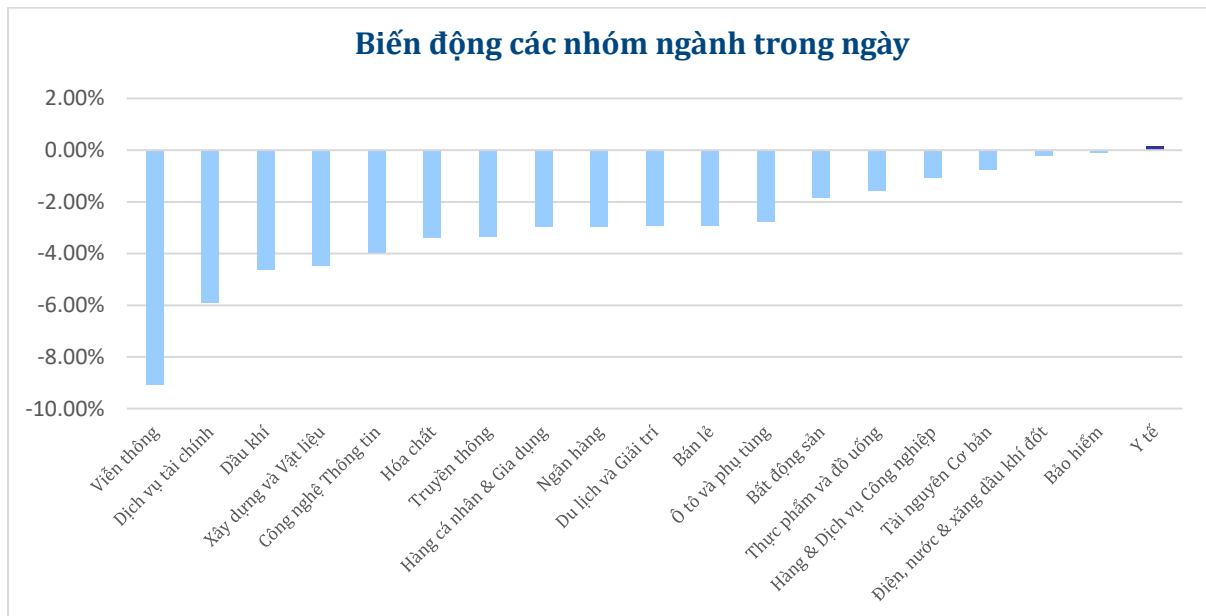
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
HSG	HPG	SGT	ANV	HUT
18.71	631.8	1398%	6.9%	-9.9%
FLC	HSG	HSG	HSG	SHS
17.48	473.8	227%	5.5%	-9.8%
GEX	SSI	REE	MIG	CEO
16.47	450.2	212%	5.3%	-8.8%
STB	GEX	VRE	HAH	IDC
15.25	445.0	183%	4.9%	-7.5%
SSI	VPB	VCI	REE	DXG
15.14	444.1	179%	4.6%	-7.0%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



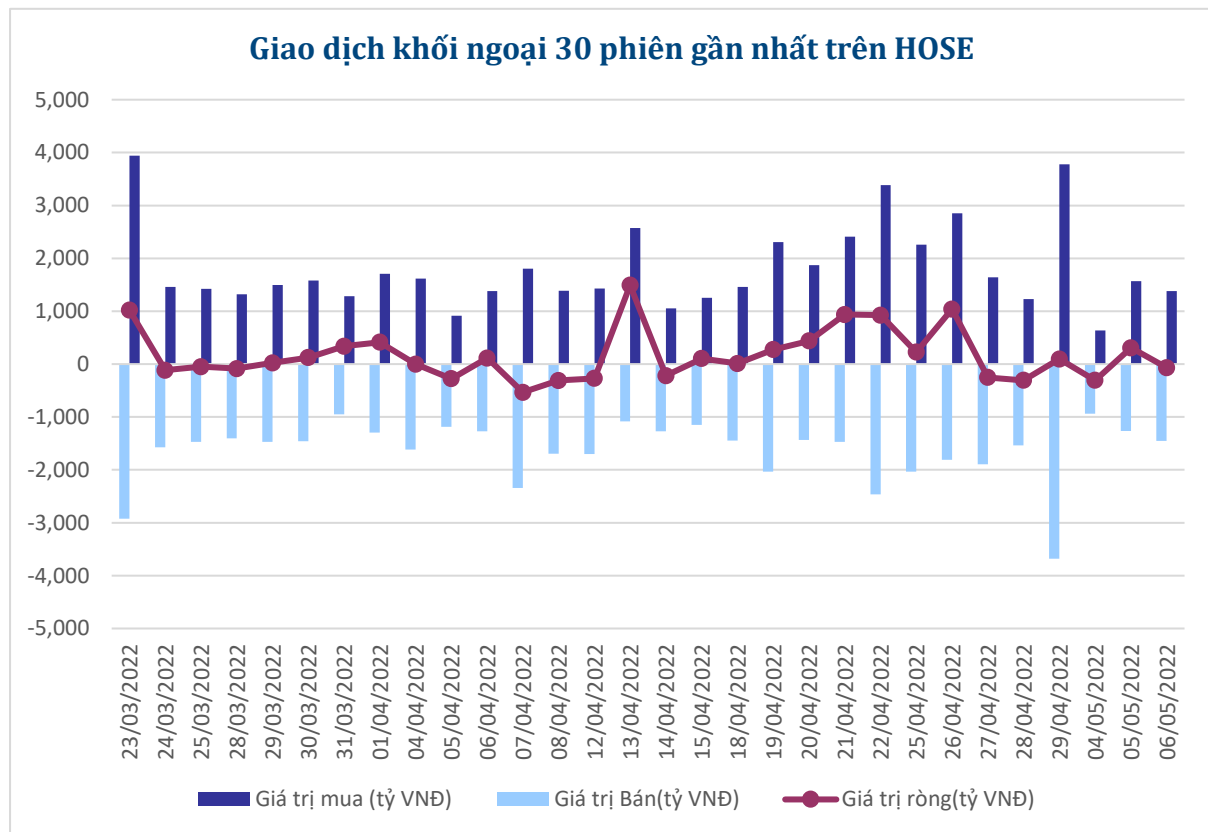
Biến động các nhóm ngành trong ngày



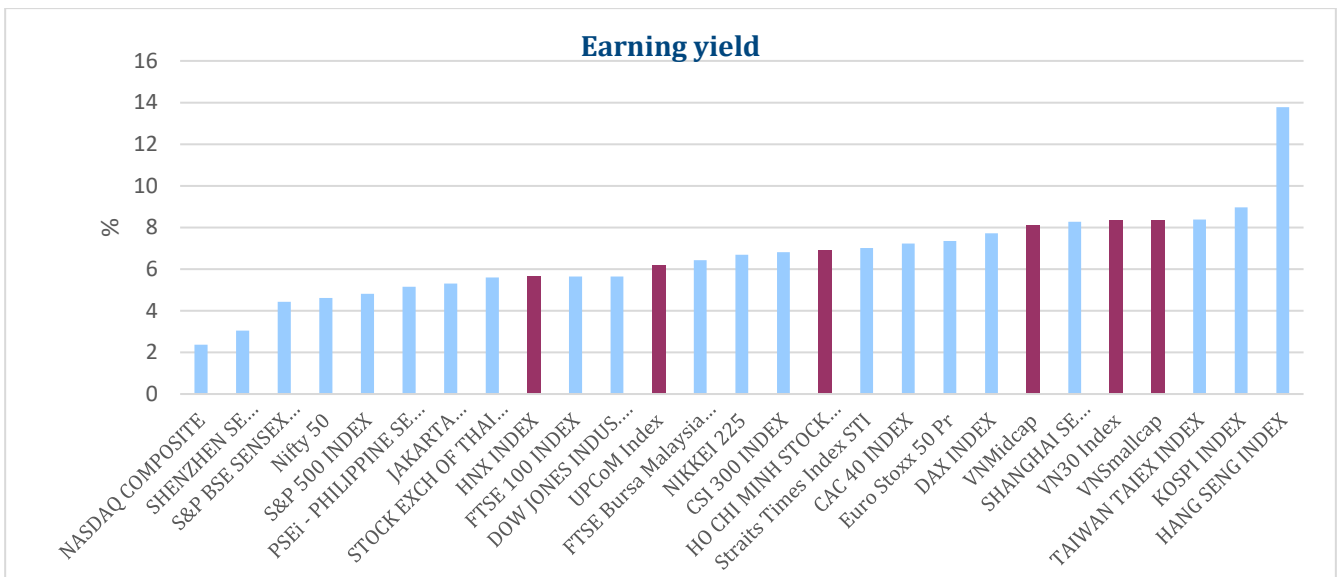
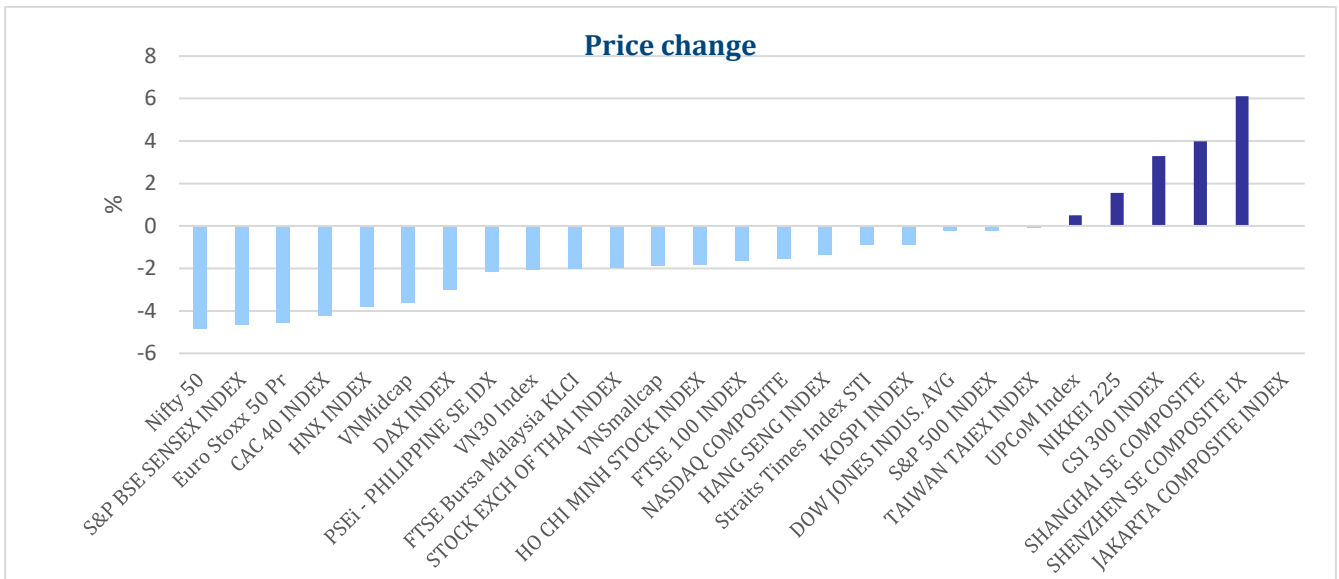
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 67.28 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 2.82 tỷ đồng.

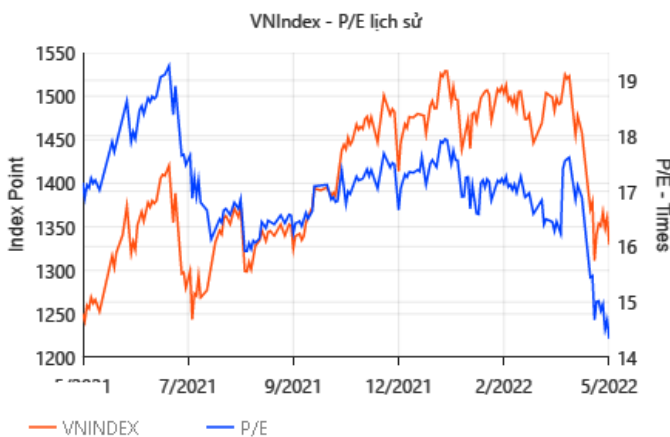
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
NLG	129.21	VCB	55.90
VRE	59.96	KBC	47.86
DPM	48.32	NVL	42.35
MSN	30.08	VIC	38.17
HSG	11.31	E1VFN30	36.92



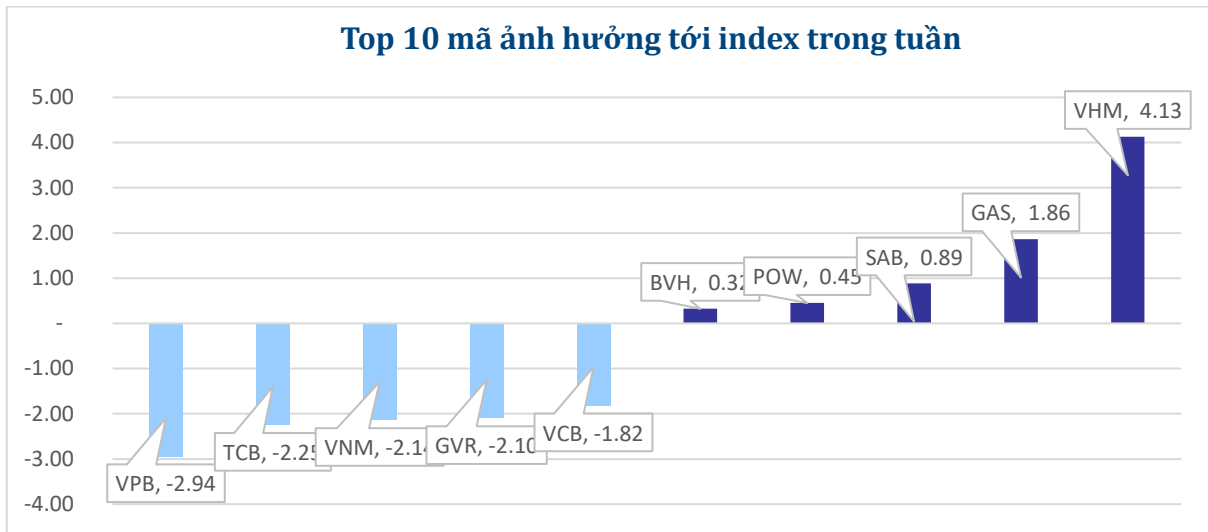
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

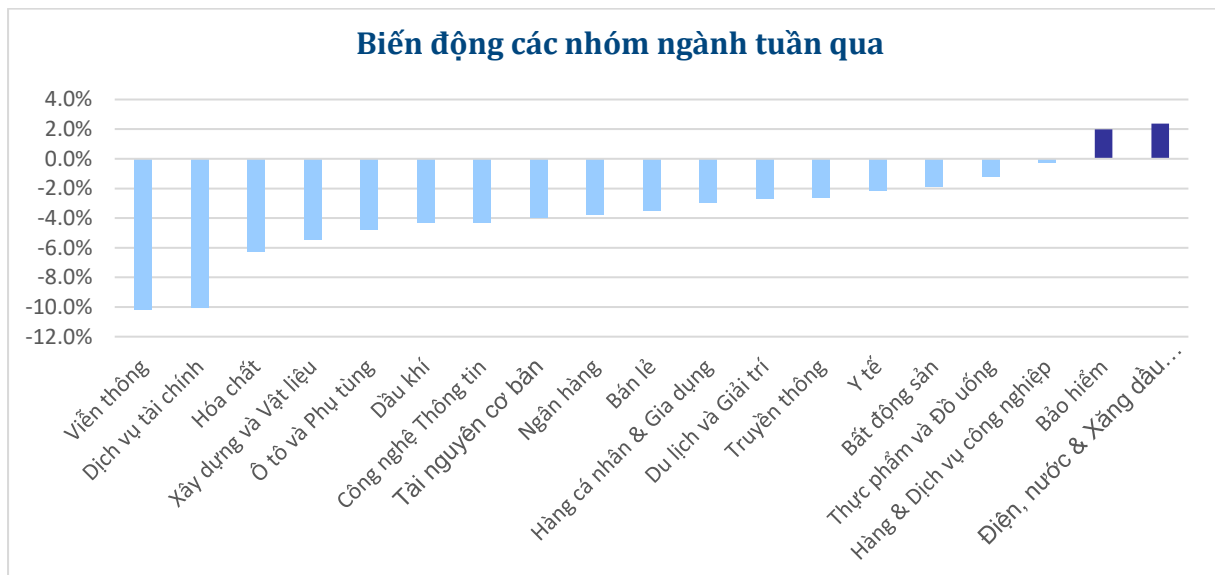


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

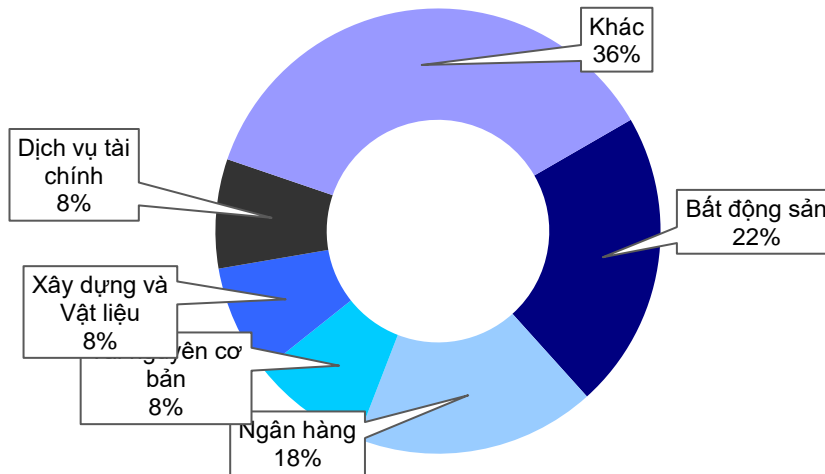


Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao
HSG 17.5	HPG 615.6	DHA 0.47x	SGT 18.6%	L14 -24.3%
FLC 17.1	HSG 446.7	MIG 2.77x	MIG 12.1%	BFC -19.5%
POW 15.0	VPB 419.5	SGT 2.58x	PVX 11.8%	CEO -19.2%
ROS 14.7	DIG 417.7	VSC 2.10x	HAH 9.8%	TGG -18.1%
HPG 14.6	GEX 403.7	PVX 2.05x	VSC 8.3%	FLC -17.5%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

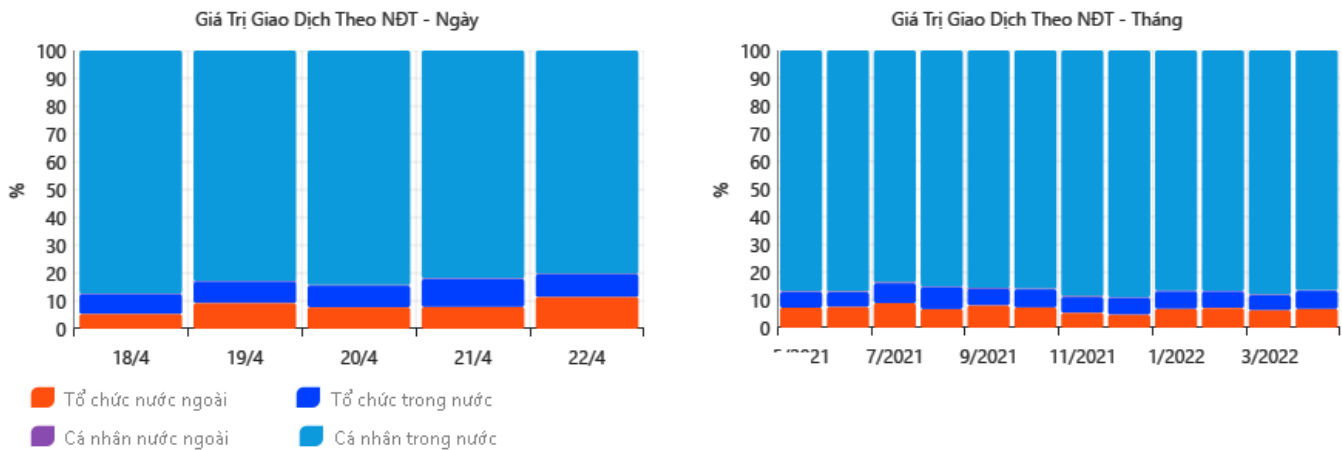


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

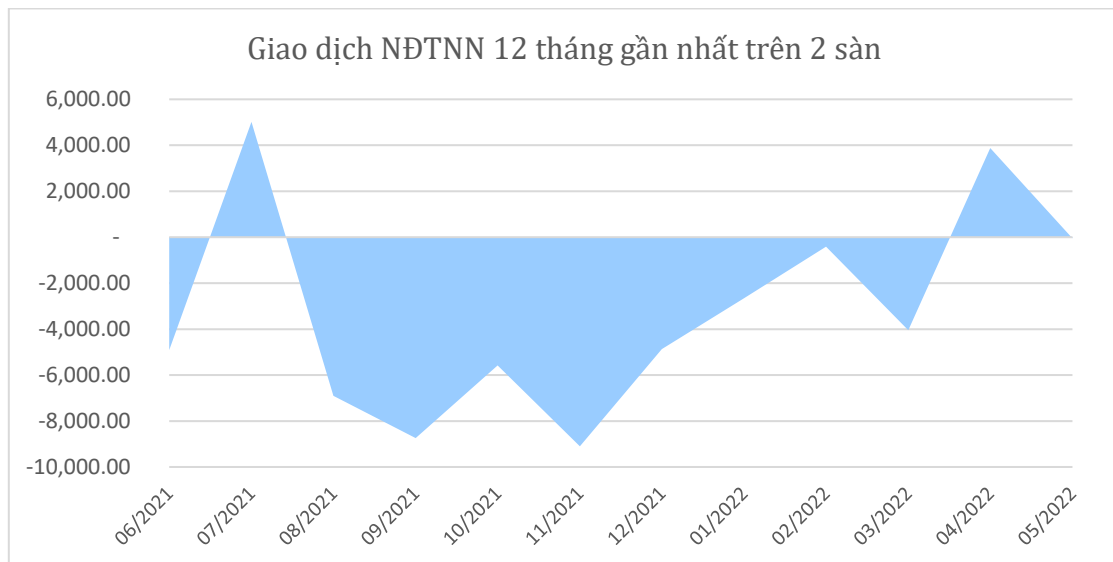
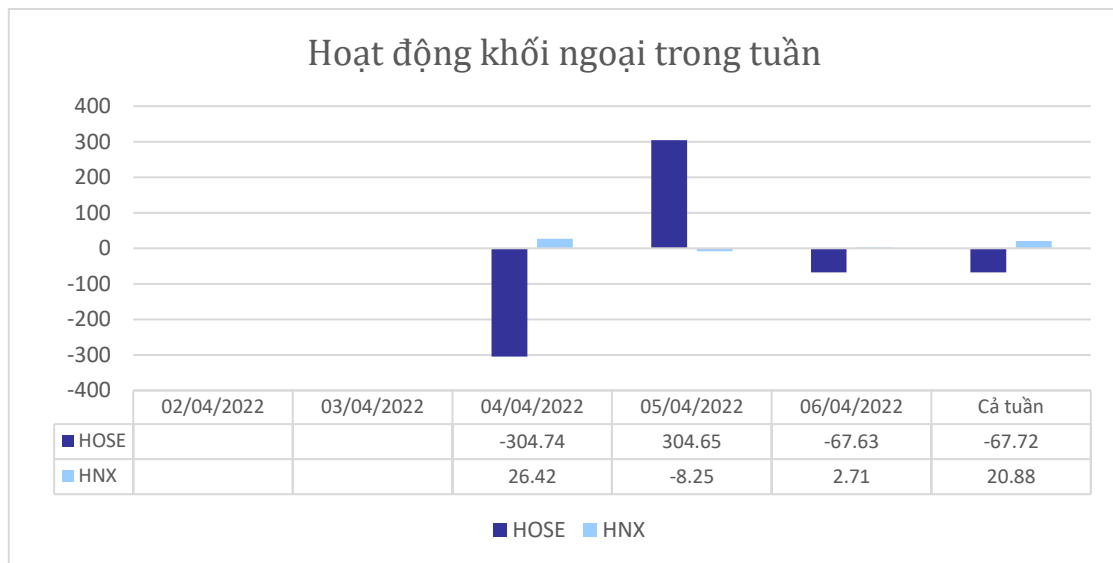
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-3.46%	3,170.2	TCB	-5.68%	1,058.5
HSG	-8.13%	2,577.4	HPG	-3.46%	892.8
GEX	-5.85%	2,321.3	STB	-7.94%	754.9
VPB	-6.95%	2,192.4	VHM	5.69%	683.3
DIG	-16.77%	2,110.9	FPT	-4.57%	526.5

Tỷ trọng giao dịch



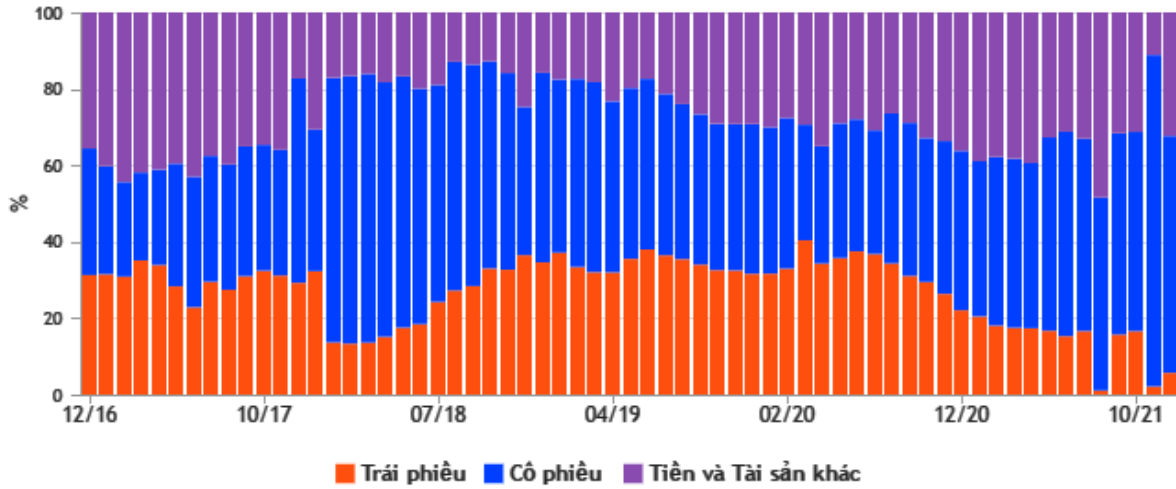
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
GEX	-13.11%	306.21	VHM	-9.00%	189.07
DXG	-7.60%	184.73	DGC	-4.03%	132.90
NLG	-12.21%	183.15	BVH	-5.69%	105.87
VRE	-1.90%	176.41	SSI	-9.88%	101.02
STB	-4.32%	173.93	CII	-19.26%	83.14

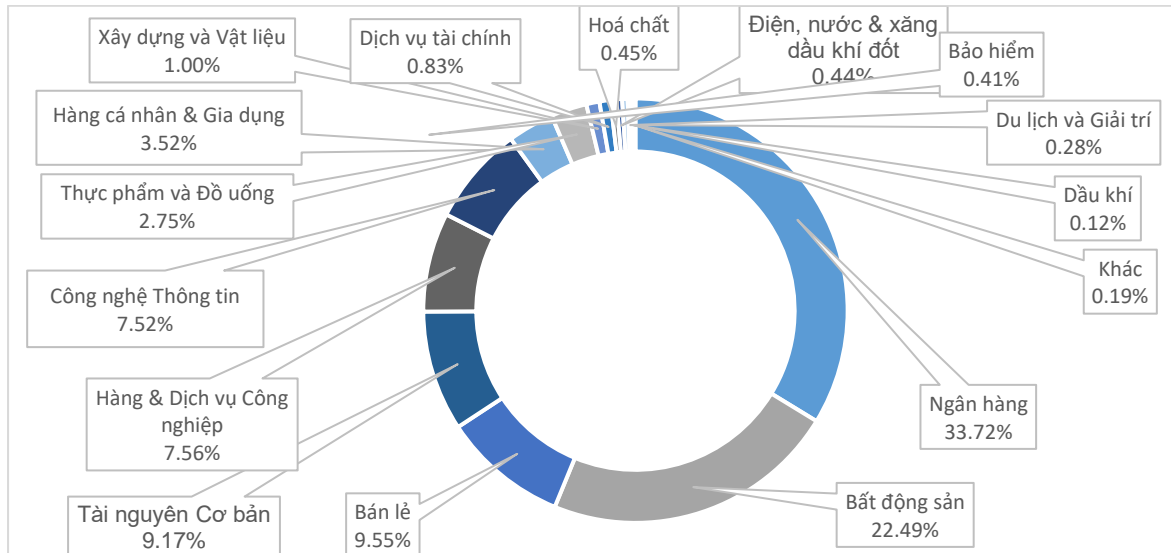


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

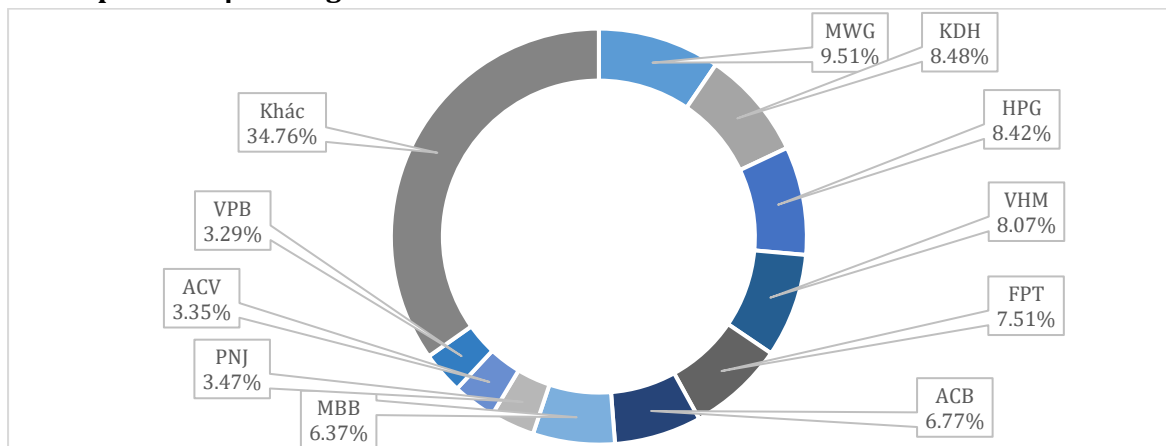
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HII	HSX	Niêm yết bổ sung 36.831.508 cp		09/05/22	09/05/22
MSN	HSX	Niêm yết bổ sung 236.106.884 cp		09/05/22	09/05/22
HCB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	09/05/22	10/05/22	20/05/22
HFX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	09/05/22
PLX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	08/06/22
MEF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	09/05/22
TET	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)	09/05/22	10/05/22	24/05/22
DNA	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/05/22	10/05/22	09/05/22
BAF	HSX	Trả cổ tức (tỷ lệ 1:0.45), thưởng cp (tỷ lệ 1:0.39)	09/05/22	10/05/22	09/05/22
HSL	HSX	Niêm yết bổ sung 15.000.000 cp		09/05/22	09/05/22
DHA	HSX	Thanh toán phần cổ tức còn lại năm 2021 (2.000 đ/cp)	09/05/22	10/05/22	24/05/22
FMC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	09/05/22	10/05/22	26/05/22
ICC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	09/05/22
VGL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	09/05/22	10/05/22	27/05/22
BAX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (5.000 đ/cp)	09/05/22	10/05/22	11/08/22
SRB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	09/05/22
CJC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/05/22	10/05/22	09/05/22
BMN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)	10/05/22	11/05/22	23/05/22
TRS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/05/22	11/05/22	10/05/22
GDT	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/05/22	11/05/22	19/05/22
GMH	HSX	Thanh toán cổ tức còn lại năm 2021 (600 đ/cp)	10/05/22	11/05/22	31/05/22
DP2	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/05/22	11/05/22	10/05/22
TCO	HSX	Niêm yết bổ sung 50.000.000 cp		10/05/22	10/05/22
BGW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (458đ/cp)	10/05/22	11/05/22	15/06/22
BCG	HSX	Niêm yết bổ sung 57.000.000 cp		10/05/22	10/05/22
TED	Upcom	Giao dịch 12.500.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	10/05/22	10/05/22	10/05/22
VAB	Upcom	Giao dịch 94.996.476 cổ phiếu niêm yết bổ sung	10/05/22	10/05/22	10/05/22
PDR	HSX	Niêm yết bổ sung 178.874.303 cp		10/05/22	10/05/22
HWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
TDW	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	11/05/22	12/05/22	26/05/22
HHR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.350đ/cp)	11/05/22	12/05/22	27/05/22
ABI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
STS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/04/22	11/05/22
VDT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	11/05/22	12/05/22	25/05/22
CFM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
STS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
BTU	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
DOP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/05/22	12/05/22	11/05/22
VIP	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	11/05/22	12/05/22	26/05/22
BMP	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.350 đ/cp)	11/05/22	12/05/22	13/06/22
CLM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	12/05/22	13/05/22	25/05/22
FIR	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1) và trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:14.999)	12/05/22	13/05/22	12/05/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
LSG	Upcom	Giao dịch 90.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	12/05/22	12/05/22	12/05/22
CHP	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	12/05/22	16/05/22	01/06/22
FRC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
VKD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
DCL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
VNX	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	12/05/22	13/05/22	25/05/22
PGI	HSX	Giao dịch 22.179.023 cp niêm yết bổ sung			12/05/22
DPD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
FIT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	13/06/22
TSC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	14/06/22
PSW	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
YEG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	15/06/22
INN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	12/05/22	13/05/22	31/05/22
PMG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	12/05/22	13/05/22	12/05/22
VCI	HSX	Giao dịch 900.000 cp niêm yết bổ sung		28/05/21	12/05/22
VEC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
VNY	Upcom	Giao dịch 5.999.969 cổ phiếu niêm yết bổ sung	13/05/22	13/05/22	13/05/22
PTG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (10.000đ/cp)	13/05/22	16/05/22	31/05/22
DHC	HSX	ĐHCĐ TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.500 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	17/06/22
PGV	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	14/06/22
THS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
SEB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	26/05/22
SED	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	08/06/22
BDT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
VCM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	30/05/22
PMS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.400 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	25/05/22
IDC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	13/05/22	16/05/22	10/06/22
HDA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
TAP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
PEG	Upcom	Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	13/05/22	16/05/22	13/05/22
QNC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
USD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
HUG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.500đ/cp)	13/05/22	16/05/22	26/05/22
CE1	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
HES	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
BNW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	13/05/22	16/05/22	16/06/22
MTV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22
FDC	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	13/05/22	16/05/22	11/06/22
KDM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/05/22	16/05/22	13/05/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696